

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 04 tháng 6 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Viết - Tiếng Anh

Ngày thi: 04/6/2023

Buổi thi: Sáng

Phòng thi: A6.B.401

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	227801D300	Lê Văn Tuấn	05.04.1997				ĐH LT
2	227801D302	Nguyễn Việt	20.11.1988				ĐH LT
3	227801D303	Hồ Văn	02.09.1986				ĐH LT
4	227801D306	Nguyễn Minh	04.11.1983				ĐH LT
5	227801D308	Nguyễn Văn	06.05.1988				ĐH LT
6	227801D314	Nguyễn Đình	06.06.1989				ĐH LT
7	227801D316	Cao Văn	18.09.1990				ĐH LT
8	227801D317	Ninh Văn	27.10.1988				ĐH LT
9	227801D319	Nguyễn Thị	02.12.1981				ĐH LT
10	227801D322	Ngân Thị	28.02.1979				ĐH LT
11	227801D323	Vũ Minh	21.01.1999				ĐH LT
12	227801D324	Lê Thị Nhật	11.10.1996				ĐH LT
13	227801D325	Trịnh Văn	09.04.1999				ĐH LT
14	227801D326	Phạm Thị Hạnh	27.03.1984				ĐH LT
15	227801D327	Phạm Thị	25.02.1988				ĐH LT
16	227801D328	Nguyễn Thị Phương	06.05.1999				ĐH LT
17	227801D330	Nguyễn Thị Tuyết	28.11.1989				ĐH LT
18	227801D331	Nguyễn Văn	12.07.1988				ĐH LT
19	227801D332	Nguyễn Danh	19.08.1987				ĐH LT
20	227801D333	Cao Thị	12.02.1987				ĐH LT
21	227801D335	Nguyễn Bá	06.06.1982				ĐH LT
22	227801D336	Nguyễn Thị	22.08.1984				ĐH LT
23	227801D338	Lê Văn	30.10.1988				ĐH LT
24	227801D342	Lê Thanh	10.11.1996				ĐH LT
25	227801D345	Nguyễn Phương	01.08.1993				ĐH LT
26	227801D346	Cầm Bá	27.12.1982				ĐH LT
27	227801D347	Lê Thị	17.08.1986				ĐH LT
28	227801D349	Nguyễn Minh	08.08.1989				ĐH LT
29	227801D350	Lê Đại	08.01.1997				ĐH LT
30	227801D351	Lê Văn	02.08.1984				ĐH LT
31	227801D352	Hà Thị	14.02.1990				ĐH LT
32	227801C302	Nguyễn Đại	01.03.1983				ĐH LT
33	227801C304	Nguyễn Thị	15.02.1991				ĐH LT
34	227801C305	Lê Thị	02.02.1990				ĐH LT
35	227801T302	Lưu Thị	05.06.1984				ĐH LT
36	227801T303	Lê Văn	15.04.1983				ĐH LT
37	1563080020	Vi Văn	03.05.1995				

Số SV trong Danh sách gồm:.....

Số SV dự thi:.....

Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 6 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Đậu Bá Thìn

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 04 tháng 6 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Viết - Tiếng Anh

Ngày thi: 04/6/2023

Buổi thi: Chiều

Phòng thi: A6.B.401

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	217901D502	Nguyễn Thị	Nga	26.07.1997				ĐH LT
2	217901D505	Đỗ Thị	Nhường	27.12.1997				ĐH LT
3	217403D526	Trần Văn	Hoàng	02.8.1976				ĐH LT
4	217403D552	Trịnh Thị	Tú	20.05.1975				ĐH LT
5	217403D516	Mai Thị	Giang	01.04.1982				ĐH LT
6	217403D557	Phạm Công	Thành	20.05.1972				ĐH LT
7	217902C509	Lương Văn	Son	25.07.1974				ĐH LT
8	217902C512	Lê Thị	Thanh	10.08.1986				ĐH LT
9	217902C511	Bùi Ngọc	Tú	08.01.1986				ĐH LT
10	218101D800	Nguyễn Thị	Dung	01.04.1997				ĐH LT
11	218101D802	Hoàng Đình	Kiên	03.06.1979				ĐH LT
12	218101D807	Lê Thị	Thiện	10.12.1988				ĐH LT
13	218101D804	Trần Văn	Tôn	10.8.1984				ĐH LT
14	189900V517	Phạm Thị	Xuân	11.01.1986				ĐH LT
15	218900T631	Phạm Thị	Xuân	7.1.1976				ĐH LT
16	218900C742	Đỗ Thị Ngọc	Yến	28.03.1994				ĐH LT
17	218900C733	Nguyễn Thị Thanh	Tú	3.12.1985				ĐH LT
18	218103T603	Mai văn	Vương	08.03.1993				ĐH LT
19	217103T505	Ngô Quang	Trường	14.9.1998				ĐH LT
20	217103C515	Nguyễn Văn	Thanh	10.12.1986				ĐH LT
21	217103T506	Nguyễn Đức	Vũ	4.10.1990				ĐH LT
22	218103D800	Lê Như	Cường	22.11.1978				ĐH LT
23	207801T503	Cao Văn	Quang	10.05.1987				ĐH LT
24	217801T501	Nguyễn Sỹ	Dũng	02.09.1983				ĐH LT
25	217801T503	Nguyễn Thế	Hải	22.09.1988				ĐH LT
26	217801T505	Lê Thị Kim	Phụng	25.09.1989				ĐH LT
27	217801D512	Nguyễn Hữu	Huy	02.06.1985				ĐH LT
28	217801D513	Trần Thị	Lan	02.01.1986				ĐH LT
29	217801D530	Lê Thị	Vân	15.10.1986				ĐH LT
30	217801D532	Nguyễn Đăng	Xung	10.03.1990				ĐH LT
31	218801P501	Đinh Tiến	Dũng	25.11.1996				ĐH LT
32	218801T802	Cao Thị	Hoài	11.05.1988				ĐH LT
33	218107T602	Hoàng Văn	Quảng	12.12.1974				ĐH LT
34	207801Đ541	Nguyễn Thanh	Tùng	06.03.1984				ĐH LT
35	218107D617	Trịnh Văn	Thế	06.05.1979				ĐH LT
36	21822901308	Lê Thị	Nhạn	18.04.1981				CH
37	218101D806	Lê Thị	Tuyết	25.04.1982				ĐH LT

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 6 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC
Đậu Bá Thìn

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 04 tháng 6 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Viết - Tiếng Anh

Ngày thi: 04/6/2023

Buổi thi: Sáng

Phòng thi: A6.B.402

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	1967020015	Chu Thị Hằng	06.02.2001				CN
2	1967020044	Nguyễn Thị Trang	02.03.2001				CN
3	1967010018	Bùi Thị Hương	21.11.2001				CN
4	1967010021	Hoàng Lan	06.03.2001				CN
5	1967010011	Nguyễn Thị Hà	12.08.2001				CN
6	1967010068	Phạm Thị Trang	24.10.2001				CN
7	1967010023	Tông Thị Tuyết	10.10.2001				CN
8	1967020019	Hoàng Thị Hoa	23.02.2001				CN
9	1967010053	Thịnh Thị Hương	10.09.2001				CN
10	1967010017	Trần Mạnh Hùng	31.05.2001				CN
11	1967020026	Nguyễn Ngọc Nhật	02.12.2001				CN
12	1967020039	Phạm Thị Thương	28.02.2002				CN
13	1967020041	Lê Đỗ Thu Trang	15.09.2001				CN
14	1967020025	Bùi Thị Ngọc	21.04.2000				CN
15	1967020047	Vương Thị Tuyết	16.02.2021				CN
16	1967020011	Lương Thị Dung	18.06.2001				CN
17	1967010051	Trịnh Xuân Hiều	20.05.2001				CN
18	1567010035	Hoàng Thị Hường	22.01.1996				CN
19	1967010057	Nguyễn Thị Linh	29.07.2001				CN
20	1967010062	Nguyễn Thị Nhung	10.04.2001				CN
21	1967010063	Hoàng Thu Phương	09.04.2001				CN
22	1967010059	Đỗ Huyền Ly	09.11.2001				CN
23	1967010069	Nguyễn Thị Trang	04.08.2001				CN
24	1967010020	Lê Thị Vân Khánh	31.12.2001				CN
25	1967020033	Lê Thị Như Quỳnh	13.8.2001				CN
26	1967010026	Trần Yên Nhi	10.11.2001				CN
27	1867020036	Hà Thị Nhung	14.02.2000				CN
28	206C680033	Dương Thị Thu Thủy	04.01.2001				CĐ KC
29	206C680034	Trần Thị Quỳnh Trâm	25.09.2002				CĐ KC
30	206C680014	Phạm Thị Thanh Hương	19.08.2002				CĐ KC
31	216C680014	Lò Thị Lâm	06.04.2003				CĐ KC
32	216C680034	Lang Thị Tình	30.07.2002				CĐ KC
33	216C680033	Hà Thị Thủy	12.01.2003				CĐ KC
34	206C680042	Lê Thùy Dương	13/08/2001				CĐ KC
35	206C680044	Đậu Thị Linh	12.10.2002				CĐ KC
36	196C680027	Trương Thị Miên	28.10.2000				CĐ KC

Số SV trong Danh sách gồm:.....

Số SV dự thi:.....

Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 6 năm 2023

CB COI THI 1

CB COI THI 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đậu Bá Thìn

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 04 tháng 6 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Viết - Tiếng Anh

Ngày thi: 04/6/2023

Buổi thi: Chiều

Phòng thi: A6.B.402

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	2169070004	Hà Thị Hồng	05/01/2003				KC
2	2169070005	Hàn Hoàng Thái	20/01/1999				KC
3	2169070012	Lê Thị Huyền Trang	15/11/2003				KC
4	2169070007	Vì Văn Tùng	16/10/2001				KC
5	2169080001	Đặng Thị Vân Anh	17/06/2003				KC
6	2169080003	Vũ Gia Bảo	10/11/2003				KC
7	2169080004	Đỗ Thị Chúc	16/08/2003				KC
8	2169080007	Lê Thành Đạt	20/03/2003				KC
9	2169080006	Phạm Bá Đạt	23/10/2003				KC
10	2169080012	Cao Thị Linh	15/11/2003				KC
11	2169080013	Lê Thị Thảo Linh	27/07/2003				KC
12	2169080014	Văn Hoài Linh	25/09/2003				KC
13	2169080015	Vũ Thị Linh	18/03/2003				KC
14	2169080016	Phùng Thị Mến	11/02/2003				KC
15	2169080017	Vì Thị Mùi	24/07/2003				KC
16	2169080019	Lương Thị Ngọc	09/12/2003				KC
17	2169080018	Nguyễn Trần Văn Ngọc	12/03/2003				KC
18	2169080036	Đặng Thị Hồng Nhung	07/03/2003				KC
19	2169080023	Nguyễn Sỹ Quý	25/12/2003				KC
20	2169080034	Nguyễn Văn Sơn	22/10/2003				KC
21	2169080026	Nguyễn Thị Thảo	07/03/2003				KC
22	2169080035	Chu Thị Quỳnh Trang	31/12/2003				KC
23	2169080033	Lê Như Đức Trung	29/08/2003				KC
24	2169080030	Dương Văn Vũ	22/10/2003				KC
25	2169080031	Phạm Thị Hải Yên	18/11/2003				KC
26	2061010060	Nguyễn Tô Uyên	14/11/2001				KC
27	2061030024	Phạm Công Quân	10/10/2002				KC
28	2064010104	Thái Trần Thiên Ân	24/07/2002				KC
29	2064010221	Nguyễn Lê Ngọc Mai	03/03/2001				KC
30	2064020118	Lê Thị Hạnh Vũ	01/10/2001				KC
31	2064020120	Phạm Tiến Dũng	28/07/2000				KC
32	2069010122	Nguyễn Thị Phụng	27/06/2002				KC
33	2069010173	Nguyễn Khánh Vân	05/06/2002				KC
34	2069010201	Lê Thị Ánh Nguyệt	10/02/2002				KC
35	1964020019	Nguyễn Thành Minh	19/04/2000				KC
36	2069020007	Nguyễn Thị Dung	17/02/2001				KC
37	2069020005	Vì Thị Diệp	18/11/2001				KC
38	1962030006	Trịnh Văn Minh	11/09/2001				KC

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 6 năm 2023
KT. HIỆP TRƯỞNG
PHÓ HIỆP TRƯỞNG
Đậu Bá Thìn

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 04 tháng 6 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Viết - Tiếng Anh

Ngày thi: 04/6/2023

Buổi thi: Sáng

Phòng thi: A6.B.406.1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	1869080003	Bùi Thị Phương	01.10.2000				KC
2	1661030003	Lê Ngọc Đức	24.03.1998				KC
3	2069000003	Đinh Thị	05.05.2002				KC
4	2064010156	Bùi Uyên	29.07.2001				KC
5	2061030005	Cao Sơn	23.02.2002				KC
6	2069000007	Tăng Thị	14.06.2002				KC
7	1968010002	Lê Long	12.01.2001				KC
8	2169000240	Đỗ Thị	29.10.2003				KC
9	2061030008	Trần Khả	23.02.2002				KC
10	1962030003	Phạm Ngọc	28.11.2001				KC
11	2169000010	Bùi Nhật	01.01.2003				KC
12	2169000011	Phạm Thị Mỹ	16.10.2002				KC
13	2169000185	Bùi Thị	14.12.2003				KC
14	2169000282	Hà Thị Hương	04.08.2003				KC
15	2166090003	Lê Thị Thu	26.09.2003				KC
16	1869080012	Lê Thị	10.03.2000				KC
17	2064010115	Hoàng Thị	26.01.2001				KC
18	2169000131	Lương Thị	17.02.2001				KC
19	2169000247	Phạm Thị Mỹ	08.07.2003				KC
20	2169000248	Nguyễn Thị Mỹ	02.09.2003				KC
21	2169000017	Lê Thị	22.05.2003				KC
22	2169000019	Lê Quỳnh	12.05.2003				KC
23	2169000250	Bùi Thị	19.05.2003				KC
24	1869080013	Nguyễn Thị	04.12.2000				KC
25	2064010165	Nguyễn Thị	31.07.2002				KC
26	2069010051	Lê Thị	01.09.2001				KC
27	1966030004	Vũ Ngọc Vĩnh	29.10.2001				KC
28	2062030002	Nguyễn Sinh	06.09.2002				KC
29	1968010004	Nguyễn Lan	24.09.1999				KC
30	2064010117	Phạm Thị Lan	09.08.2002				KC
31	2069010054	Hà Thị	20.04.2002				KC
32	2069010055	Nguyễn Lý	28.02.2001				KC
33	2069010071	Cao Thị	20.11.2002				KC
34	2066010023	Trịnh Lê	16.12.2002				KC
35	2066010055	Vì Thị Khánh	03.03.2002				KC
36	2069000180	Bùi Thị	15.02.2002				KC

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
37	2069010064	Phạm Thu	Huyền	10.02.2002				KC
38	2069010066	Nguyễn Thị	Khánh	28.08.2002				KC
39	1969010024	Phạm Thúy	Kiều	20.04.2021				KC
40	2069010067	Đỗ Thị	Lan	11.10.2002				KC
41	2069010068	Hà Diệu	Lan	11.09.2002				KC
42	2169000201	Phạm Thị	Lê	16.10.2003				KC
43	2169000257	Trương Thị Quỳnh	Lê	08.05.2003				KC
44	2064010216	Lê Thị	Lệ	12.12.2001				KC
45	2069010069	Hà Thị	Liên	05.10.2001				KC
46	1869080014	Lê Tùng	Linh	30.05.2000				KC
47	2069000026	Vi Thùy	Linh	20.12.2002				KC

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 6 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đậu Bá Thìn

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Đợt thi ngày 04 tháng 6 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Viết - Tiếng Anh

Ngày thi: 04/6/2023

Buổi thi: Chiều

Phòng thi: A6.B.406.1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	2069010071	Bùi Thùy	Linh	20.11.2002				KC
2	2069010085	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11.04.2002				KC
3	2069000191	Phạm Thị Bích	Loan	14.06.2002				KC
4	2064010023	Lê Thị Cẩm	Ly	26.10.2002				KC
5	2069010088	Trương Thị Ngọc	Ly	28.02.2002				KC
6	2064010124	Nguyễn Phương	Mai	02.11.2002				KC
7	2069000029	Lê Thị	Mai	02.02.2002				KC
8	2169000030	Nguyễn Thị Trúc	Mai	18.12.2003				KC
9	2169000146	Mai Việt	Mạnh	10.10.2003				KC
10	2069010098	Phạm Thị	Nga	08.03.2002				KC
11	2069010104	Phạm Thị	Ngọc	02.07.2002				KC
12	2069010105	Trương Thị	Ngọc	01.01.2002				KC
13	2166090010	Hồ Ánh	Ngọc	03.02.2002				KC
14	2166090011	Bùi Thị Thúy	Nguyệt	24.02.2003				KC
15	2064010128	Lê Thị	Nhân	03.12.2001				KC
16	2069000034	Lương Thị Quỳnh	Như	19.08.2001				KC
17	2069010110	Hà Quỳnh	Như	22.04.2002				KC
18	2064010211	Lê Thị	Nhung	22.12.2002				KC
19	2069000035	Cao Thị	Nhung	02.08.2002				KC
20	2069010117	Bùi Thị	Nhung	14.03.2002				KC
21	1968010011	Phạm Thị	Phương	29.04.2001				KC
22	2069000038	Phạm Bá	Quân	18.10.2001				KC
23	2069010125	Ngâm Lệ	Quyên	14.02.2002				KC
24	2169000042	Phạm Đỗ	Quyên	12.07.2003				KC
25	1968010014	Trịnh Công	Sơn	02.05.2001				KC
26	2066010057	Lê Xuân	Sơn	09.10.2002				KC
27	2069020023	Nguyễn Đình	Tân	17.07.1995				KC
28	2064010215	Phạm Hải	Thanh	14.08.2002				KC
29	2169020031	Trịnh Xuân	Thành	12.06.2003				KC
30	2064020090	Lê Thị	Thảo	15.07.2002				KC
31	2069000207	Hồ Thị	Thiện	21.10.2001				KC
32	2069000045	Vi Văn	Thống	17.03.2001				KC
33	2069010197	Đặng Huyền	Thương	22.09.2002				KC
34	2069010202	Đặng Hiền	Thương	22.09.2002				KC
35	2169000049	Vi Thị	Thủy	19.05.2003				KC
36	2169000050	Quách Thu	Thủy	02.06.2003				KC
37	2169000282	Quách Thị	Thủy	04.08.2003				KC

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
38	2064010208	Lê Thị	Thuyết	23.04.1999				KC
39	2069010143	Lương Thị	Tĩnh	10.04.2002				KC
40	2169000051	Lữ Văn	Tĩnh	22.09.2003				KC
41	1869080022	Trần Thị Hương	Trà	09.04.2000				KC
42	2064010142	Văn Thị	Trâm	01.01.2001				KC
43	2064010095	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	08.05.2002				KC
44	2064010097	Phạm Thị	Trang	05.02.2002				KC
45	2069000052	Vũ Đào Khả	Tú	21.10.2022				KC
46	2069000331	Lê Thị	Tú	23.09.2002				KC
47	2169000057	Nguyễn Thị Bình	Yên	30.01.2003				KC
48	2064010151	Trương Thị Ngọc	Yến	23.04.2002				KC

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 6 năm 2023

CB COI THI 1

CB COI THI 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC

Đậu Bá Thìn